

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2026/HNGĐ-ST

Ngày 18-9-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Nhạn;

Bà Phạm Thị Vĩnh .

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 384/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 365/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị C, sinh năm 1993, căn cước công dân số 031193002012; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường A, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Thế A, sinh năm 1992, căn cước công dân số 031092003231; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt. oà, V, Hải Phòng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lưu Thị C trình bày: Chị và anh Hoàng Thế A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A (nay là phường A), thành phố Hải Phòng ngày 07 tháng 4 năm 2015. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại tổ dân phố T, phường A. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được một thời gian,

đến năm 2020 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Anh A nghiện chất ma túy, mặc dù đã được gia đình động viên đưa đi cai nghiện nhiều lần nhưng anh A không thay đổi. Do không chịu được cảnh sống với anh A như vậy anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay vợ chồng không quan tâm nhau. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên chị yêu cầu được ly hôn anh A. Chị và anh A có hai con chung là Hoàng Thu T, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015 và Hoàng Ngọc Kim N, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2019. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi con Hoàng Thu T, đồng ý để anh A nuôi con Hoàng Ngọc Kim N, vì từ khi anh chị sống ly thân đến nay thì cháu Hoàng Thu T do chị trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Hoàng Ngọc Kim N sống với anh A, các cháu khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Cháu Hoàng Thu T có nguyện vọng được ở với chị, còn cháu Hoàng Ngọc Kim N có nguyện vọng được ở với bố; chị C làm công nhân có thu nhập là 10.000.000 đồng/tháng; anh A làm dịch vụ chuyển nhà cũng có thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên cả hai đều đủ điều kiện nuôi con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hoàng Thế A trình bày: Anh và chị Lưu Thị C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bản thân anh chơi bời, không quan tâm đến vợ con dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không hạnh phúc. Nay chị C xin ly hôn anh không đồng ý và mong muốn chị C cho anh cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Anh chị có hai con chung là Hoàng Thu T, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015 và Hoàng Ngọc Kim N, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2019. Trường hợp anh chị phải ly hôn anh đề nghị được nuôi con Hoàng Ngọc Kim N và đồng ý để chị C nuôi con Hoàng Thu T. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Xác minh tại chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh A thể hiện: Anh chị tự nguyện kết hôn và chung sống tại tổ dân phố T, phường A, thành phố Hải Phòng từ năm 2015 đến nay. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2020 thì giữa anh chị có xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh A chơi bời, nghiện chất ma túy, không chịu làm ăn ảnh hưởng đến gia đình, vợ con nên cuộc sống vợ chồng lúc nào cũng căng thẳng. Mâu thuẫn của anh chị đã được hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị có hai con chung là Hoàng Thu T, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015 và Hoàng Ngọc Kim N, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2019. Trường hợp anh chị phải ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của con và điều kiện của anh chị để giải quyết về con chung. Chị C1 và anh A1 đều làm công nhân nên có thu nhập đủ điều kiện nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo thông báo của Tòa án, vi phạm khoản 15, khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa chị C1 và anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C1 được ly hôn anh A. Giao con chung Hoàng Thu T, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015 cho chị C1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Hoàng Ngọc Kim N, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2019 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung do đương sự không yêu cầu. Chị C1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; chị C1 và anh A có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn là anh Hoàng Thế A có nơi cư trú tại phường A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Các hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; các đương sự, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C1 và anh A.

- Về nội dung:

[4] Chị Lưu Thị C và anh Hoàng Thế A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A (nay là phường A), thành phố Hải Phòng ngày 07 tháng 4 năm 2015 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Chị Lưu Thị C và anh Hoàng Thế A trình bày phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên có căn

cứ xác định: Sau khi kết hôn chị C và anh A sống chung tại tổ dân phố T, phường A, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hoà; anh A nghiện ma túy, làm ảnh hưởng đến gia đình, vợ con, mặc dù đã được gia đình động viên đưa đi cai nghiện nhiều lần nhưng anh A không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Xét thấy, chị C và anh A đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do mâu thuẫn giữa chị C và anh A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị C được ly hôn anh A.

[6] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Hoàng Thu T, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015 và Hoàng Ngọc Kim N, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2019. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau. Hiện nay, con Hoàng Thu T do chị C nuôi dưỡng, có nguyện vọng ở với mẹ; cháu Hoàng Ngọc Kim N do anh A nuôi dưỡng và có nguyện vọng ở với bố; các cháu đều khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Anh chị đều có chỗ ở, công việc và thu nhập nên đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con, nguyện vọng của con khi cha mẹ ly hôn nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con Hoàng Thu T cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Hoàng Ngọc Kim N cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Chị Lưu Thị C và anh Hoàng Thế A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lưu Thị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị C và anh Hoàng Thế A có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị C được ly hôn anh Hoàng Thế A.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Ngọc Kim N, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2019 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Hoàng Thu T, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con chị C và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Lưu Thị C và anh Hoàng Thế A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lưu Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007807 ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị C và anh Hoàng Thế A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 2 - Hải Phòng;
- UBND phường An Hải (ĐKKH năm 2015);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng